

Số: /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục tiểu học, lĩnh vực giáo dục trung học, lĩnh vực cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1426/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo với nước ngoài; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2630/TTr-SGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 10 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (cấp tỉnh); 28 thủ tục hành chính thay thế (cấp tỉnh); 28 thủ tục hành chính bãi bỏ (cấp tỉnh); 13 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (cấp xã); 05 thủ tục hành chính thay thế (cấp xã); 05 thủ tục hành chính bãi bỏ (cấp xã) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của của Sở Giáo dục và Đào tạo.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các nội dung tại số thứ tự 5, 6, 7, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 phần III Mục A Phụ lục Danh mục kèm theo Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

3. Trong thời gian Quyết định này có hiệu lực thi hành, danh mục các thủ tục hành chính tại các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính trước đây không áp dụng và được thay thế bằng nội dung công bố tại Quyết định này:

a) Các nội dung tại số thứ tự 1, 4, 11, 12, 23, 24, 27, 28, 31, 32, 33, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 46, 47, 48, 56, 58, 59, 60, 61, 65, 66, 67, 68, 70, 80, 83, 84 phần A Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng; số thứ tự 1, 4, 5, 8, 9, 10, 13, 14, 16, 19, 20, 26, 27, 28, 29 phần B Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng.

b) Các nội dung tại số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 8, 10, 13, 15, 16, 17 phần A Quyết định số 2045/QĐ-SGDĐT ngày 11/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thành phố về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo; số thứ tự 21, 22, 23, 26, 28 phần B Quyết định số 2045/QĐ-SGDĐT ngày 11/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thành phố về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm PVHCC TP;
- Công TTĐT thành phố;
- Các Trung tâm IOC, DDS thuộc Sở KHCN;
- VNPT Đà Nẵng;
- Lưu: VT, HCC, SGDDT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quang Bửu

hieudt14-15/06/2026 15:57:31-hieudt14-hieudt14

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết TTHC	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Cơ sở pháp lí	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền quyết định
I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN								
1.	3.000315.H17	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	06 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT
2.	3.000317.H17	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	08 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT
3.	1.012988.H17	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	13 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT

				tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính				
4.	1.013751.H17	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	13 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT
5.	1.013753.H17	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT
6.	1.013754.H17	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	08 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT
7.	1.013755.H17	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT

				- Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính				
8.	1.013757.H17	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	12 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT
9.	1.013758.H17	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	12 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT
II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI								
10.	2.000545.H17	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	30 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Nghị định số 143/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Chủ tịch UBND thành phố

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC được thay thế (tên cũ)	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết TTHC	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Cơ sở pháp lí	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền quyết định
1	1.012944.H17	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên 1.012958.H17	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	15 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP	Sở GDĐT	Chủ tịch UBND thành phố
2		Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao 1.012959.H17					- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP		
3		Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật 3.000301.H17					- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT		
4	1.012953.H17	Cho phép trường trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục 1.005008.H17	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	15 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT
5		Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục 3.000297.H17					- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP		
6		Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục 3.000302.H17					- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP		

7		Thành lập, cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông 3.000306.H17					- Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT		
8	1.012955.H17	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên 1.004999.H17	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học	15 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Chủ tịch UBND thành phố (sáp nhập, chia, tách nhà trường); Giám đốc Sở GDĐT (cho phép hoạt động nhà trường)
9		Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao 3.000299.H17							
10		Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật 3.000304.H17							
11	1.012956.H17	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) 1.004991.H17	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Sở GDĐT	Chủ tịch UBND thành phố
12		Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) 3.000300.H17							

13		Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) 3.000305.H17	đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)				- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT		
14		Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thực ¹ 1.013759.H17	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật	16 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Chủ tịch UBND thành phố
15		Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 1.013764.H17							
16		Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận 1.013765.H17							
17		Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận 1.000509.H17							
18		Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.013760.H17	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục	Không	- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP;	Sở GDĐT	Chủ tịch UBND thành phố

¹ TTHC thay thế không bao gồm nội dung liên quan đến phân hiệu của trường trung cấp tư thực.

19		Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 1.000138.H17	cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính		- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT		
20		Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.013761.H17	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Sở GDĐT	Chủ tịch UBND thành phố
21		Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài ² 1.000553.H17							
22	2002887.H17	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn 1.010927.H17	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp	05 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 95/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP. - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT.	Sở GDĐT	Chủ tịch UBND thành phố
23		Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài 1.000154.H17							

² TTHC thay thể không bao gồm thay thể nội dung chấm dứt hoạt động phân hiệu trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

24	2002888.H17	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.013762.H17	Giải thể phân hiệu của trường trung cấp	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 95/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP. - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT.	Sở GDĐT	Chủ tịch UBND thành phố
25		Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.013763.H17	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 95/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP. - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT.	Sở GDĐT	Chủ tịch UBND thành phố
26		Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 1.000530.H17							
27		Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp 2.000189.H17	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp	07 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;	Sở GDĐT	Giám đốc Sở GDĐT

28		Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp 1.000389.H17					- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT.		
----	--	---	--	--	--	--	---	--	--

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	1.012954.H17	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
2.	1.013752.H17	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
3.	3.000316.H17	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
4.	1.013756.H17	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
5.	1.005061.H17	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Cơ sở giáo dục khác	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
6.	2.001987.H17	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Cơ sở giáo dục khác	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
7.	1.012960.H17	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Cơ sở giáo dục khác	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

8.	1.000939.H17	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
9.	1.006446.H17	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10.	1.000718.H17	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
11.	1.001495.H17	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12.	1.000716.H17	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
13.	1.001493.H17	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
14.	2.000451.H17	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
15.	1.001492.H17	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
16.	2.000680.H17	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
17.	1.001501.H17	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
18.	2.000691.H17	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

		của nước ngoài			
19.	1.004988.H17	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT	Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo
20.	3.000298.H17	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT	Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo
21.	3.000303.H	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT	Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo
22.	1.001499.H17	Phê duyệt liên kết giáo dục	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1426/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
23.	1.001497.H17	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1426/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
24.	1.001496.H17	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1426/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Sở Giáo dục và Đào tạo
25.	2.000729.H17	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1426/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
26.	2.000688.H17	Chấm dứt, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1426/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
27.	1.000167.H17	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1426/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo
28.	1.010928.H17	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1426/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

[illegible]

4.	1.012963.H17	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
5.	1.004563.H17	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	13 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Nghị định số 124/2024/NĐ-CP - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
6.	1.001639.H17	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Nghị định số 124/2024/NĐ-CP - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC								
7.	1.012964.H17	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	15 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã

8.	1.012967/H17	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	15 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
9.	1.012968/H17	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN								
10.	1.012969/H17	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
11.	3.000307/H17	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã

12.	3.000308.H17	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
V. LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC								
13.	1.012975.H17	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	05 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được thay thế (tên cũ)	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết TTHC	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền quyết định
1.		Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ 1.012961.H17	Thành lập hoặc cho phép thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non	12 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Nghị định số 124/2024/NĐ-CP - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã

							- Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT		
2.		Cho phép trường mầm giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục 1.006390.H17	Cho phép nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non hoạt động giáo dục	12 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Nghị định số 124/2024/NĐ-CP - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
3.		Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ 1.006445.H17	Sáp nhập, chia, tách nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non	12 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Nghị định số 124/2024/NĐ-CP - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã

4.		Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ 1.012962.H17	Giải thể nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Nghị định số 124/2024/NĐ-CP - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
5.	2001842.H17	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở 3.000309.H17	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã

	1.012965.H17		Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP - Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
--	--------------	--	--	------------------	---	-------	--	-------------	----------------------

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	1.006444.H17	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục mầm non	Chủ tịch UBND cấp xã
2.	1.012972.H17	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục mầm non	Chủ tịch UBND cấp xã
3.	1.004552.H17	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục tiểu học	Chủ tịch UBND cấp xã
4.	1.012966.H17	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học	Chủ tịch UBND cấp xã
5.	1.012970.H17	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	- Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP - Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên	Chủ tịch UBND cấp xã

hieudt14-15/06/2026 15:57:31-hieudt14-hieudt14-hieudt14